TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2022
V/v " Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Hương;
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hoàng Tua;

Bà Trần Vĩnh Hạnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Võ Long Hải – Kiểm sát

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 424/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thúy A, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp 2B, xã Tân Hòa, Hện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; Địa chỉ liên hệ: phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1986; Địa chỉ: phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo nội dung đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ vào ngày 10/4/2009. Trong quá trình chung sống, ông bà xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả. Mặc dù bản thân và gia đình kHên nhủ, nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng tình trạng không được cải

thiện, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay bà A nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Bùi Quang H (Nam), sinh ngày 27/10/2010. Hiện cháu H đang sinh sống cùng với bà A, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông T, Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt. Vụ án không hòa giải được nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A. Chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà A. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà A có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với ông T nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ: phường B, quận T, thành phố Cần Thơ nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 179, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông T theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà thì theo bà A phát sinh từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vả dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn thương yêu, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại ông bà không còn chung sống với nhau. Tại phiên tòa bà A xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông T vẫn vắng mặt nên nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa ông bà đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà A yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở, phù hợp với căn cứ cho ly hôn tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

[2.2] Về con chung: Hiện tại cháu Bùi Quang H đang sinh sống cùng với bà A, xét nguyện vọng của cháu H thì cháu cũng có nguyện vọng được sống với bà A. Bà A có điều kiện chăm sóc và thu nhập ổn định để nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà A. Đồng thời cũng dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông T, không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 179; Điều 227, Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con của bà Nguyễn Thúy A đối với ông Bùi Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thúy A ly hôn với ông Bùi Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Quang H (Nam), sinh ngày 27/10/2010 cho bà Nguyễn Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Bùi Thanh T, không ai được quyền ngăn cản. Không buộc ông Bùi Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0002490 ngày 10/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thùy Hương

*Nơi nhận:
-Viện kiểm sát ND quận Bình Thủy;
-Chi cục THA DS quận Bình Thủy;
-UBND P.Bình Thủy, Q.Bình Thủy (nơi đk kết hôn-GCNKH 53, I/2009);
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.